

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 30/3/2021.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Thanh Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vương Tuyết N, sinh năm 1994.(Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 06/5/2020 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Tuyết N trình bày:

Vào năm 2014, bà N và ông H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà N và ông H sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Hai bên đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình chung sống, bà N và ông H có một người con chung là cháu Lâm Ngọc Quỳnh A sinh ngày 18/10/2013. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay bà Vương Tuyết N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Văn H.
- Về con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Ngọc Quỳnh A sinh ngày 18/10/2013 đến khi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lâm Văn H: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lâm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào điểm a, b khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, bà N và ông H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông H đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông H vẫn vắng mặt, nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Bà Vương Tuyết N xác định trong thời gian chung sống ông bà có một người con chung là cháu Lâm Ngọc Quỳnh A sinh ngày 18/10/2013. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A đến khi thành niên và bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu Quỳnh A đều do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Quỳnh A. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu Quỳnh A, HĐXX quyết định giao cháu Quỳnh A cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu Quỳnh A.

Về cấp dưỡng: Bà Vương Tuyết N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vương Tuyết N xác định trong thời gian chung sống bà và ông H không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vương Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Tuyết N được ly hôn với ông Lâm Văn H.

2/ Về con chung: Giao cháu Lâm Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 18/10/2013 cho bà Vương Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Lâm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Lâm Văn H mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vương Tuyết N xác định trong thời gian chung sống ông bà không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vương Tuyết N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007249 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà N đã nộp xong án phí. Ông Lâm Văn H không phải chịu án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND xã T;
- huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà